

NGÂN HÀNG NHÀ
NƯỚC
Số: 559/2002/QĐ-NHNN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 3 tháng 6 năm 2002

QUYẾT ĐỊNH CỦA THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

Về việc bổ sung một số tài khoản

vào hệ thống tài khoản kế toán các tổ chức tín dụng.

THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

Căn cứ Luật các Tổ chức tín dụng số 02/1997/QH10 ngày 12 tháng 12 năm 1997;

Căn cứ Nghị định số 15/CP ngày 02/3/1993 của Chính phủ về nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Căn cứ Quyết định số 149/2001/QĐ-TTg ngày 05/10/2001 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án xử lý nợ tồn đọng của các Ngân hàng thương mại; và Quyết định số 150/2001/QĐ-TTg ngày 05/10/2001 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập công ty quản lý nợ và khai thác tài sản trực thuộc Ngân hàng thương mại;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế toán - Tài chính ngân hàng Nhà nước;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bổ sung một số tài khoản vào hệ thống tài khoản kế toán các tổ chức tín dụng ban hành kèm theo Quyết định số 435/1998/QĐ-NHNN2 ngày 25/12/1998 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước như sau:

1. Tài khoản 283 - Nợ tồn đọng có tài sản bảo đảm.

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản nợ tồn đọng có tài sản đảm bảo của Ngân hàng thương mại được xử lý theo Quyết định số 149/2001/QĐ-TTg ngày 05/10/2001 của Thủ tướng Chính phủ.

Bên Nợ ghi:- Số

Số dư Nợ - Phản ánh số nợ tồn đọng có tài sản bảo đảm còn chưa xử lý được.

Hạch toán chi tiết: Mở tài khoản chi tiết theo từng khoản nợ tồn đọng có tài sản bảo đảm còn chưa xử lý được; hoặc theo từng tài sản bảo đảm nợ (nếu tài sản này đã được gán nợ, theo đó, Ngân hàng đã ghi giảm nợ cho khách hàng vay theo quy định của pháp luật hiện hành) còn chưa xử lý (bán) được.

2. Tài khoản 284- Nợ tồn đọng không có tài sản bảo đảm và không còn đối tượng để thu nợ.

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản nợ tồn đọng không có tài sản bảo đảm và không còn đối tượng để thu của Ngân hàng thương mại được xử lý theo Quyết định số 149/2001/QĐ-TTg ngày 05/10/2001 của Thủ tướng Chính phủ.

Bên Nợ ghi:- Số nợ tồn đọng không có tài sản bảo đảm nhưng con nợ còn tồn tại, đang hoạt động.

Bên Có ghi: Số nợ tồn đọng không có tài sản bảo đảm nhưng con nợ còn tồn tại, đang hoạt động đã được xử lý theo quy định.

Số nợ tồn đọng có tài sản bảo đảm được chuyển giao để xử lý.

Số dư Nợ: Phản ánh số nợ tồn đọng không có tài sản bảo đảm nhưng con nợ còn tồn tại đang hoạt động chưa xử lý được.

Hạch toán chi tiết: Mở tài khoản chi tiết theo tài khoản nợ tồn đọng không có tài sản bảo đảm nhưng con nợ còn tồn tại, đang hoạt động chưa xử lý được.

4. Tài khoản 365 - Chi phí xử lý tài sản bảo đảm nợ.

Tài khoản này dùng để phản ánh các chi phí xử lý tài sản bảo đảm nợ như đầu tư nâng cấp, cải tạo, sửa chữa tài sản bảo đảm nợ để bán hoặc khai thác; thuê trông coi bảo vệ, bảo hiểm cho tài sản bảo đảm nợ; quảng cáo, môi giới để bán, cho thuê tài sản bảo đảm nợ và các chi phí xử lý tài sản bảo đảm nợ khác theo quy định để xử lý nợ tồn đọng của Ngân hàng thương mại theo Quyết định số 149/2001/QĐ-TTg ngày 05/10/2001 của Thủ tướng Chính phủ.

Bên Nợ ghi:- Chi phí xử lý tài sản bảo đảm nợ.

Bên Có ghi:- Số hoặc số chênh lệch Nợ mua bán nợ chưa được xử lý.

Hạch toán chi tiết: Mở tài khoản chi tiết theo từng khoản nợ được mua bán.

7. Trong tài khoản 469 "Các khoản chờ thanh toán khác" bổ sung các tài khoản cấp III sau: